

Bản án số: 04/2019/HS-PT
Ngày: 12-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hòa

Bà Đỗ Thị Huệ

- Thư ký phiên toà: Ông Thiều Quang Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Đào Ngọc Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 03/2018/TLPT-HS ngày 06 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Đình N bị xét xử 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 50/2018/HS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đình N, sinh năm 1985; Nơi sinh: Huyện P, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn TA, xã M, huyện Ph, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1956 và bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1958; Có vợ là Lương Thị M, sinh năm 1984 và 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/6/2018 đến ngày 29/6/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh cho đến nay (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Trần Đình T – Luật sư Công ty luật K thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. Ông Lê Quốc Đ – Luật sư Công ty Luật T thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2017, bị cáo Nguyễn Đình N phát hiện thấy một chiếc máy ủi nhãn hiệu KOMATSU D60P của Công ty cổ phần xây dựng D, giám đốc là ông Phạm Quốc T có trụ sở tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam đang để ở khu vực cầu P đường mới vào huyện M, tỉnh Lai Châu. N gọi điện cho ông T để hỏi giá bán nhưng ông T nói nếu bán thì giá 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), N thấy giá cao nên không mua. Đến khoảng đầu tháng 5 năm 2018, N thấy chiếc máy ủi trên ở bãi tập kết vật liệu và máy móc phục vụ công trình ở bản A, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Thế B. N tiếp tục gọi điện cho ông T để hỏi giá bán nhưng ông T đưa ra giá 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), N bảo đắt quá không mua được nên N đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy ủi đem bán lấy tiền. Ngày 21 tháng 5 năm 2018, N liên lạc với Hoàng Trung Đ sinh ngày 02/02/1992, trú tại thôn G, xã TL, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc để bàn bạc việc mua bán chiếc máy ủi. Sau khi trao đổi và được N cho biết chiếc máy ủi thuộc quyền sở hữu của N, do N bắt nợ mà có, Đ đồng ý mua chiếc máy ủi với giá 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), số tiền trên bao gồm cả chi phí vận chuyển chiếc máy ủi về nhà Đ. Ngày 12/6/2018, Đ nhắn tin cho N số điện thoại của Nguyễn Văn T sinh năm 1987, trú tại thôn G, xã TL, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc là chủ xe ô tô mang biển kiểm soát 88C-058.57 chuyên chở máy ủi để bàn bạc chi phí vận chuyển. Qua trao đổi, T được N cho biết chiếc máy ủi thuộc quyền sở hữu của N, do N bắt nợ mà có. N và T thống nhất chi phí vận chuyển chiếc máy ủi từ xã P, huyện S đến nơi giao chiếc máy ủi cho Đ là 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng. Khoảng 14 giờ ngày 12/6/2018, T gọi điện cho Nguyễn Văn Th sinh năm 1987, trú tại thôn G, xã TL, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc điều khiển chiếc xe ô tô chuyên chở máy xúc, máy ủi mang biển kiểm soát 88C-058.57 chờ theo Nguyễn Văn B sinh năm 1992 và Tạ Quang T sinh năm 1992 đi lên tỉnh Lai Châu để vận chuyển chiếc máy ủi theo như thỏa thuận với N. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 13/6/2018 khi Th, B, Tạ Quang T đi đến thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh Lai Châu thì B gọi điện cho N ra đón. Khoảng 10 phút sau khi gọi điện, N điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI Grand I10, biển kiểm soát 25A-027.01 đến đón và đi trước dẫn đường đến vị trí của chiếc máy ủi. Khi đến nơi, N mượn 01 chiếc chìa khóa xe máy của T để khởi động chiếc máy ủi nhưng không khởi động được. Sau đó, N mượn cớ lên trên xe ô tô chuyên chở máy ủi rồi cùng Th tháo bình ắc quy của chiếc máy ủi để đấu nối dây điện, khởi động máy ủi. Khởi động được động cơ máy ủi, N điều khiển chiếc máy ủi ra gần vị trí chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 88C-058.57 rồi để Th điều khiển chiếc máy ủi lên xe ô tô chuyên chở. Sau đó, Th điều khiển xe ô tô cùng với T và B chở máy ủi đi theo hướng về thị trấn Ph còn N điều khiển xe ô tô HUYNDAI Grand I10 đi theo phía sau. Khi đến km 33+450, quốc lộ 12 thuộc bản Cầu P, xã P thì xe ô tô chở máy ủi bị hỏng. N điều khiển xe ô tô HUYNDAI Grand

I10 đến một cửa hàng tạp hóa ở bản Cầu P, xã P mua 02 tấm bạt về để che phủ chiếc máy ủi rồi đi về nhà chờ vợ con đi sang tỉnh Sơn La chơi. Do trời tối nên Th, T và B ngủ lại trên chiếc ô tô chờ trời sáng để sửa xe. Sáng ngày 13/6/2018, khi T, Th và B đang sửa xe thì bị phát hiện và thu giữ toàn bộ vật chứng nêu trên. Ngày 14/6/2018, bị cáo Nguyễn Đình N bị bắt tạm giam.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 28 tháng 6 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu kết luận: 01 chiếc máy ủi nhãn hiệu KOMATSU D60P màu sơn vàng có xuất xứ từ Nhật Bản. Số khung: 144 -21-11138, số máy: NH-200-261-137, năm sản xuất 1987 có trị giá là 162.400.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản án số 50/2018/HS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N 04 (Bốn) năm tù, được trừ 16 (Mười sáu) ngày bị cáo đã bị tạm giam, bị cáo còn phải thi hành 03 (Ba) năm 11 (Mười một) tháng 14 (Mười bốn) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/11/2018 bị cáo Nguyễn Đình N có đơn kháng cáo bản án số 50/2018/HS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đình N đã thay đổi kháng cáo, lúc đầu bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án, sau đó bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cuối cùng bị cáo kháng cáo hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại với lý do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bị cáo cho rằng chiếc máy ủi nhãn hiệu KOMATSU D60P do bị cáo trộm cắp đã hết khấu hao nên không còn giá trị sử dụng, do đó kết luận định giá tài sản là 162.400.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) không đúng, máy ủi đó chỉ có giá trị sắt vụn là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như: Vụ án chưa xác định bị hại là ai; ông Hoàng Trung Đ có dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; hồ sơ vụ án trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra không đánh số bút lục; biên bản giao nhận kết luận điều tra sửa chữa ngày nhưng không có chữ ký của bị cáo tại phần sửa chữa; trong Quyết định khởi tố bị can chỉ ghi chung chung; số khung máy ủi tại bản kết luận định giá khác với bản án sơ thẩm; Cáo trạng số 38/CT-VKS nhưng tại các biên bản phiên tòa thể hiện cáo trạng số 38/CT-VKS-SH; tại phần căn cứ của bản Cáo trạng ghi thiếu ký hiệu của Quyết định khởi tố...

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Đơn kháng cáo và chủ thể kháng cáo, thời hạn kháng cáo đảm bảo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đình N xuống còn 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Những vi phạm của cấp sơ thẩm mà người bào chữa nêu ra không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án, đây chỉ là những sai sót nhỏ nên cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Tại lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như người bào chữa đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với nội dung đơn trình báo, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại bãi tập kết vật liệu và máy móc phục vụ công trình ở bản A, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu thuộc sở hữu của ông Phạm Thế B, bị cáo Nguyễn Đình N đã có hành vi lợi dụng sự lơ là trong quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt một chiếc máy ủi nhãn hiệu KOMATSU D60P màu sơn vàng có xuất xứ từ Nhật Bản, số khung: 144 -21-11138, số máy: NH-200-261-137, năm sản xuất 1987 có trị giá là 162.400.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) của Công ty cổ phần xây dựng D, mục đích bị cáo trộm cắp tài sản là để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo và quan điểm của người bào chữa về hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại với lý do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, để nhận định cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hay không, cần phân tích và nhận xét đối với từng vấn đề chính như sau:

[2.1]. Vụ án chưa xác định bị hại là ai: Căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty cổ phần xây dựng D là Công ty trực tiếp bị thiệt hại về tài sản do hành vi của bị cáo Nguyễn Đình N gây ra, do đó theo quy định tại Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự cần xác định Công ty cổ phần xây dựng D là bị hại trong vụ án. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại xác định Công ty cổ phần xây dựng D là nguyên đơn dân sự, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của cấp sơ thẩm như vậy

là không chính xác. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần xây dựng D là ông Phạm Quốc T đã có ý kiến: Về mức hình phạt đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật; Về trách nhiệm dân sự, Công ty đã được Công an huyện Sìn Hồ trả lại chiếc máy ủi nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Sau khi xét xử sơ thẩm xong, Công ty cổ phần xây dựng D không khiếu nại, không kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù cấp sơ thẩm có sai sót trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng nhưng không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án. Do đó về vấn đề này cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.2] Ông Hoàng Trung Đ có dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình N thừa nhận quá trình liên lạc, trao đổi mua bán máy ủi với ông Hoàng Trung Đ nhưng ông Đ không biết đó là tài sản do bị cáo N trộm cắp mà có. Lời khai của bị cáo N phù hợp với lời khai của ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để cho rằng ông Hoàng Trung Đ có dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[2.3] Đối với những vi phạm như: Hồ sơ vụ án trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra không đánh số bút lục; biên bản giao nhận kết luận điều tra sửa chữa ngày nhưng không có chữ ký của bị cáo tại phần sửa chữa; trong Quyết định khởi tố bị can chỉ ghi chung chung; số khung máy ủi tại kết luận định giá khác với bản án sơ thẩm; Cáo trạng số 38/CT-VKS nhưng tại các biên bản phiên tòa thể hiện cáo trạng số 38/CT-VKS-SH; tại phần căn cứ của bản Cáo trạng ghi thiếu ký hiệu của Quyết định khởi tố..., Hội đồng xét xử thấy rằng những vi phạm trên không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án. Do đó về vấn đề này cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3]. Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa về việc đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đình N xuống còn 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kháng cáo hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại với lý do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt 04 năm tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm không xuất hiện thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2018/HS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình N và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2018/HS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu như sau:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N 04 (Bốn) năm tù, được trừ 16 (Mười sáu) ngày bị cáo đã bị tạm giam, bị cáo còn phải thi hành 03 (Ba) năm 11 (Mười một) tháng 14 (Mười bốn) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/6/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an huyện Sìn Hồ;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- TAND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương